

Trung Quốc trở thành cường quốc thương mại trong thập niên đầu thế kỷ XXI

PHẠM THÁI QUỐC

Bài viết phân tích sự phát triển mạnh mẽ thương mại quốc tế của Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI thể hiện ở tăng trưởng tổng kim ngạch thương mại, tổng thặng dư thương mại, khu vực thương mại dịch vụ. Trong bài cũng nhấn mạnh phân tích trao đổi thương mại Trung Quốc - ASEAN, phân tích tác động sự phát triển thương mại quốc tế của Trung Quốc và rút ra một số kết luận, bài học cho Việt Nam.

Thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài là hai trong nhiều động lực lớn nhất đem lại sự tăng trưởng cao cho nền kinh tế Trung Quốc. Mười năm đầu của thế kỷ XXI ghi dấu ấn về sự phát triển vô cùng mạnh mẽ trong thương mại quốc tế của Trung Quốc. Tổng kim ngạch buôn bán quốc tế của nước này đã tăng hơn 5 lần từ 474 tỷ USD (2000) lên 2560 tỷ USD (năm 2008). Trong khi đó, xuất khẩu của Trung Quốc còn tăng mạnh hơn, từ 249 tỷ USD lên 1429 tỷ USD, tăng gần 6 lần. Trong lịch sử phát triển thương mại quốc tế, rất ít nước có được mức tăng như Trung Quốc.

1. Sự phát triển thương mại quốc tế của Trung Quốc

Do thực hiện nhiều nỗ lực đẩy nhanh tự do hóa thương mại, thập kỷ đầu của thế kỷ XXI ghi nhận nhiều kỷ lục kinh tế của Trung Quốc, trong đó có sự phát triển rất nhanh về thương mại. Từ năm 2002 đến 2007, giá trị tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, giá trị xuất khẩu cũng như giá trị nhập khẩu (cả hàng hóa và dịch vụ) của Trung Quốc liên tục tăng ở mức trên 20%. Đặc biệt do hiệu ứng gia nhập WTO, mức tăng của cả 3 chỉ số trên trong 2 năm 2003 và 2004 đều cao hơn 34%. Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng từ 474 tỷ USD/năm 2000 lên 2173 tỷ USD năm 2007, đạt 2561 tỷ USD năm 2008 và do tác động của khủng hoảng toàn cầu, con số chỉ đạt 2207 tỷ USD năm 2009. Tỷ trọng tổng kim ngạch xuất

nhập khẩu/GDP tăng từ gần 40% lên 58%. Mức xuất siêu tăng vọt hàng chục lần, từ trên dưới 20 tỷ USD đầu những năm 2000 (24 tỷ USD/2000) lên hàng trăm tỷ USD trong những năm cuối thập kỷ (năm 2007 là 260 tỷ USD, năm 2008 là 295 tỷ USD, năm 2009 - do tác động của khủng hoảng toàn cầu giảm còn hơn 196 tỷ USD). Trong 8 năm, giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu tăng từ 474 tỷ USD lên 2561 tỷ USD. Tỷ trọng xuất khẩu/GDP tăng từ 20% lên 32%.

BẢNG 1: Tổng thương mại quốc tế của Trung Quốc thời kỳ 2000-2009, tỷ USD

Năm	Tổng thương mại	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Cân bằng
2000	474,3	249,2	225,1	24,1
2001	509,8	266,2	243,6	22,6
2002	620,8	325,6	295,2	30,4
2003	851,2	438,4	412,8	25,6
2004	1.154,8	593,4	561,4	32,0
2005	1.422,1	762,0	660,1	101,9
2006	1.688,6	969,1	791,5	177,6
2007	2.173,8	1.218,0	955,8	262,2
2008	2.560,4	1.428,9	1.131,5	297,4
2009	2.207,2	1.201,7	1.005,5	196,2

Nguồn: - IMF, Direction of Trade Statistics and Global Trade atlas.

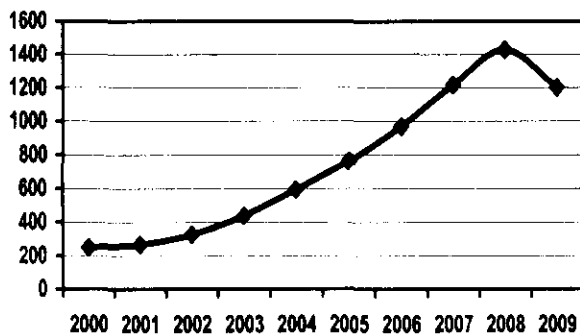
- Wayne M. Morrison, China' Economic conditions, Báo cáo của Ban nghiên cứu phục vụ quốc hội Mỹ, 5-5-2009, tr. 8.

Tổng giá trị xuất nhập khẩu của Trung Quốc từ chỗ chỉ đứng thứ 7 thế giới năm 2000, vượt lên đứng thứ 3 thế giới năm 2008, chỉ sau

Phạm Thái Quốc, PGS.TS., Viện Kinh tế và chính trị thế giới.

Mỹ và Đức. Tỷ trọng tổng xuất khẩu của Trung Quốc trong tổng xuất khẩu thế giới tăng từ 3,92% năm 2000 lên 8,86% năm 2008. Năm 2009 lần đầu tiên xuất khẩu của Trung Quốc (1201,7 tỷ USD) vượt xuất khẩu của Đức (1121,3 tỷ USD).

HÌNH 1: Tổng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc thời kỳ 2000-2009, tỷ USD



Chỉ trong 4 năm, từ năm 2004 đến năm 2008, tổng kim ngạch thương mại tăng gấp 2 lần. Năm 2008, Trung Quốc là nước có khối lượng xuất khẩu lớn thứ hai thế giới và là nước có tổng kim ngạch nhập khẩu lớn thứ 3 thế giới. Trong tổng kim ngạch thương mại của Trung Quốc, có đến hơn một nửa là hoạt động của các công ty nước ngoài làm ăn tại Trung Quốc.

Trong giai đoạn 2001-2008, 5 bạn hàng thương mại lớn nhất của Trung Quốc là EU, Mỹ, Nhật Bản, ASEAN 10 và Hồng Kông. Trong đó, các thị trường xuất khẩu lớn nhất của Trung Quốc là: EU, Mỹ, Nhật Bản. Các thị trường nhập khẩu lớn nhất của Trung Quốc là: Nhật Bản, EU và ASEAN. Trong trao đổi thương mại, gần đây Trung Quốc duy trì thặng dư thương mại lớn với Mỹ, EU và Hồng Kông, nhưng lại có thâm hụt thương mại với Nhật Bản và ASEAN. Theo số liệu của phía Trung Quốc, nước này có thặng dư thương mại với Mỹ 171 tỷ USD (năm 2008). Nhưng theo số liệu của phía Mỹ thì họ thâm hụt 266 tỷ USD với Trung Quốc trong năm 2008. Sự chênh lệch về số liệu như vậy không chỉ có giữa Mỹ và Trung Quốc và còn có giữa Trung Quốc với các bạn hàng khác như: EU, Nhật Bản, Hồng Kông.

Hàng xuất khẩu chính của Trung Quốc là: máy móc, hàng điện máy, đồ điện, thiết bị xử lý dữ liệu, sản phẩm sắt và thép, hàng dệt may, điện thoại di động. Các bạn hàng xuất khẩu chính của Trung Quốc (năm 2008) là: Mỹ: chiếm 17,7% tổng xuất khẩu; Hồng Kông: 13,3%; Nhật: 8,1%; Hàn Quốc: 5,2%; Đức chiếm 4,1%¹. Hàng nhập khẩu chính của Trung Quốc là: máy móc thiết bị, hàng điện và điện máy, dầu và nhiên liệu khoáng sản, nhựa, thiết bị xử lý dữ liệu, dụng cụ y tế và quang học, hóa chất hữu cơ, quặng kim loại, thép và đồng. Các bạn hàng nhập khẩu chính của Trung Quốc (2008) là: Nhật Bản chiếm 13,3% tổng số; Hàn Quốc chiếm 9,9%; Đài Loan chiếm 9,2%; Mỹ chiếm 7,2%; Đức chiếm 4,9%².

BẢNG 2: Mười bạn hàng thương mại lớn nhất của Trung Quốc năm 2009, tỷ USD

Xếp hạng thương mại	Nước/Khu vực	Khối lượng	Thay đổi so với năm 2008
1	Mỹ	298.3	-10.6
2	Nhật	228.9	-14.2
3	Hồng Kông	174.9	-14.1
4	Hàn Quốc	156.2	-16.0
5	Đài Loan	106.2	-17.8
6	Đức	105.7	-8.1
7	Úc	60.1	0.7
8	Malaisia	52.0	-3.0
9	Xingapo	47.9	-8.8
10	Ấn Độ	43.4	-16.3

Nguồn: PRC General Administration of Customs, China's Customs Statistics

Trong thập kỷ qua, các nền kinh tế phát triển - chứ không phải các nước đang phát triển là những đối tác thương mại chính và chủ yếu của Trung Quốc. Từ năm 2001 đến nay, Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU, Hồng Kông liên tục là những đối tác thương mại hàng đầu của Trung Quốc. Từ năm 2001 đến năm 2003, Nhật Bản là đối tác số 1. Năm 2004, Mỹ là đối tác số 1. Năm 2008, 2009 Mỹ vẫn là đối

1. <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/ch.html>.
 2. <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/ch.html>.

tác số 1, trong số các bạn hàng thương mại chính của Trung Quốc. Về xuất khẩu, năm 2008 với 1428 tỷ USD, tổng xuất khẩu của Trung Quốc đứng thứ 2 thế giới, chỉ sau Đức (1465 tỷ USD), vượt Mỹ (1301 tỷ USD), Nhật

(782 tỷ USD), Hà Lan (634 tỷ USD). Về nhập khẩu, Trung Quốc đứng thứ 3 thế giới, sau Mỹ (2166 tỷ USD), Đức (1206 tỷ USD), Trung Quốc đã vượt Nhật (762 tỷ USD), Pháp (708 tỷ USD), Anh (632 tỷ USD)³.

BẢNG 3: Tổng thặng dư thương mại của Trung Quốc thời kỳ 2000-2010, tỷ USD

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tđư TM	24.1	22.6	30.4	25.6	32.0	101.9	177.6	262.2	297.4	196.1	183,1

Nguồn: Tính toán của tác giả.

• *Về thương mại dịch vụ.* Khu vực dịch vụ ở Trung Quốc có hơn 10 tiểu ngành chính. Năm 2004, khu vực này có cấu thành như sau: 1-Bán buôn, bán lẻ và vui chơi giải trí chiếm 26%; 2-Tài chính và bảo hiểm chiếm 13%; 3-Dịch vụ xã hội chiếm 11%; 4-Vận tải và kho chứa chiếm 11%; 5-Bưu điện chiếm 10%; 6-Bất động sản chiếm 7%; 7-Giáo dục, văn hóa nghệ thuật, phát thanh, phim, truyền hình chiếm 7%; 8-Dịch vụ liên quan đến Chính phủ, chính trị và các tổ chức xã hội chiếm 7%; 9-Y tế, thể thao, phúc lợi xã hội chiếm 3%; 10-Nghiên cứu khoa học và bách nghệ chiếm 2%; 11-Dịch vụ nông nghiệp, trang trại, nghề rừng và cá chiếm 1%; 12-Dịch vụ bảo tồn nguồn nước chiếm 1%; 13-Dịch vụ khác chiếm 1%.

Từ năm 2000 trở về trước, ngành dịch vụ của Trung Quốc nhìn chung chậm phát triển do thị trường nội địa được bảo hộ và các doanh nghiệp cung ứng trên thị trường dịch vụ chủ yếu do Nhà nước nắm giữ. Từ đầu những năm 2000, đặc biệt từ cuối năm 2001 - sau khi chính thức gia nhập WTO cho đến cuối năm 2008, Trung Quốc đã và đang thực hiện mạnh mẽ quá trình mở cửa khu vực dịch vụ. Chính vì vậy, nhập khẩu dịch vụ của Trung Quốc liên tục gia tăng với mức tăng năm sau luôn cao hơn năm trước. Năm 2001 mức tăng đạt khoảng 10%. Năm 2004 mức tăng đạt khoảng 30%. Xuất khẩu dịch vụ cũng có biến động theo chiều hướng tương tự như vậy. Cuối năm 2008, khi các cam kết mở cửa dịch vụ được thực hiện đầy đủ, mức độ mở cửa thị trường dịch vụ của

Trung Quốc còn được đánh giá là cao hơn nhiều nước đang phát triển khác. Chính vì vậy, điều này đã thúc đẩy, nâng cao tỷ trọng của xuất khẩu dịch vụ trong tổng kim ngạch xuất khẩu của nước này, cũng như tổng giá trị xuất khẩu dịch vụ toàn cầu. Năm 2005, lĩnh vực xuất khẩu dịch vụ chiếm 8,9% tổng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc và 3,1% tổng giá trị xuất khẩu toàn cầu. Năm 2006, khối lượng thương mại dịch vụ của Trung Quốc đã đạt 191,75 tỷ USD, tăng 22% so với năm 2005. Năm 2008 kim ngạch xuất nhập khẩu thương mại dịch vụ Trung Quốc là 304,5 tỷ USD, tăng 21% so với cùng kỳ, tốc độ tăng trưởng cao hơn 10% so với tốc độ tăng trưởng thương mại dịch vụ thế giới cùng kỳ, Trung Quốc đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng trong thương mại dịch vụ thế giới. Theo, Chủ tịch Hội Xúc tiến mậu dịch quốc tế Trung Quốc Vạn Quý Phi (phát biểu tại Bắc Kinh 11.2009), kim ngạch xuất khẩu thương mại dịch vụ Trung Quốc từ xếp thứ 28 thế giới năm 1982, vươn lên xếp thứ 5 thế giới năm 2008, chỉ đứng sau Mỹ, Anh, Đức và Pháp, sự thay đổi này đã thể hiện Trung Quốc đang tích cực tham gia hoạt động thương mại dịch vụ thế giới⁴. Năm 2006 và 2007, tổng giá trị xuất khẩu dịch vụ của Trung Quốc tăng tương ứng là 24%

3. WTO, World trade Report 2009.

4. Tốc độ tăng trưởng thương mại dịch vụ của Trung Quốc cao hơn thế giới, tỷ lệ công nghiệp tổng thể thấp hơn trình độ trung bình của các nước đang phát triển, <http://vietnamese.cri.cn/421/2009/11/24/1s132628.htm>, 2009-11-24.

và 33%. Trong khi đó, tổng giá trị nhập khẩu dịch vụ tăng 21 và 29%. Năm 2008, tổng giá trị xuất khẩu dịch vụ của Trung Quốc đạt 137 tỷ USD (so với Nhật Bản là 144 tỷ USD), trong khi tổng giá trị nhập khẩu dịch vụ đạt 152 tỷ USD (so với Nhật Bản là 166 tỷ USD)⁵. Tổng thương mại dịch vụ của Trung Quốc đã đạt mức tăng trưởng trung bình hơn 20%/năm trong giai đoạn 2006-2010. Trong đó, giá trị xuất khẩu của các khu vực sử dụng nhiều lao động như vận tải và du lịch giảm xuống 60% trong tổng kim ngạch xuất khẩu dịch vụ của Trung Quốc. Trong khi đó, tỷ trọng của xuất khẩu từ các khu vực sử dụng nhiều vốn như viễn thông, bảo hiểm, tài chính và quảng cáo lại gia tăng... Năm 2008, trong top 10 nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu dịch vụ, Trung Quốc chỉ đứng thứ 7 (sau Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Nhật và Tây Ban Nha, xếp trên Italia, Ấn Độ và Hà Lan), với tổng giá trị xuất khẩu đạt 137 tỷ USD, chiếm 3,7% tổng mức thế giới. Về nhập khẩu dịch vụ, Năm 2008, Trung Quốc nhập khẩu 152 tỷ USD, xếp thứ 5, sau Mỹ, Đức, Anh, Nhật, chiếm 4,4% tổng nhập khẩu dịch vụ thế giới.

• Thương mại Trung Quốc - ASEAN

Năm 2002 mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ đối tác chiến lược giữa Trung Quốc và ASEAN, hai bên đã ký kết một Hiệp định khung về Hợp tác toàn diện ASEAN - Trung Quốc, chuẩn bị cho việc hình thành Khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc từ năm 2010. Tháng 1-2004, Chương trình thu hoạch sớm (EHP) có hiệu lực. Năm 2007, cả hai bên đã ký hiệp định về thương mại dịch vụ. Và từ đó đến nay, cả Trung Quốc và ASEAN đều duy trì, theo đuổi và cùng phát triển quan hệ đối tác kinh tế thân mật, chặt chẽ với nhau.

Thương mại Trung Quốc - ASEAN tăng rất mạnh trong thời kỳ từ năm 1990 đến nay. Mặc dù mức buôn bán hai chiều rất thấp chỉ đạt 7 tỷ USD năm 1990, và 7,96 tỷ USD năm 1991. Thế nhưng con số đã tăng nhanh, đạt mức 54,7 tỷ USD năm 2002 và 100 tỷ USD năm 2004, 130,4 tỷ USD năm 2005 và 202,6 tỷ USD năm 2007, về đích trước 3 năm so với dự kiến (mức 200 tỷ USD theo kế hoạch đặt ra

vào năm 2010). Năm 2008, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN đã đạt tới 231,12 tỷ USD. Còn theo số liệu thống kê của ASEAN thì con số là 192,5 tỷ USD và năm 2009, tổng thương mại hai chiều đạt 212,4 tỷ USD.

Mức tăng thương mại ASEAN - Trung Quốc trong giai đoạn 2004-2007 là 21,9%/năm - cao hơn mức tăng trưởng thương mại của Trung Quốc 18,8% trong cùng thời kỳ. Phần buôn bán của Trung Quốc với ASEAN trong tổng thương mại của Trung Quốc tăng từ 6% năm 1990 lên 9,3% năm 2007 và 14% năm 2008. Trong khi phần của thương mại với Trung Quốc trong tổng thương mại của ASEAN tăng từ 2,4% năm 1990 lên 9,8% năm 2006, và 11,3% năm 2008. Chính vì mức tăng nhanh, cho nên hiện nay cả ASEAN và Trung Quốc hiện là những bạn hàng lớn của nhau. Năm 2008, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 3 của ASEAN, chỉ sau Nhật Bản và EU.

Trong mối tương quan với các đối tác thương mại khác của Trung Quốc, trong giai đoạn 1997-2005, ASEAN là đối tác có mức tăng thương mại với Trung Quốc cao nhất trong số các đối tác thương mại của Trung Quốc. Từ năm 1997 đến năm 2005, thương mại ASEAN - Trung Quốc tăng bình quân 22,9% mỗi năm - thuộc loại cao nhất trong thương mại của Trung Quốc với các đối tác cũng như mức tăng tương mại trung bình của Trung Quốc với thế giới (20,3%). Tuy nhiên, sang giai đoạn 2006-2008, mức tăng thương mại Trung Quốc - ASEAN chỉ đạt 19,9% - thấp hơn so với mức tăng thương mại Trung Quốc - EU (23,2%), nhưng vẫn cao hơn nhiều so với mức tăng thương mại của Trung Quốc với Mỹ (12,7%), Trung Quốc với Nhật (13,4%); Trung Quốc với Đài Loan (9,4%); Trung Quốc với Hàn Quốc (17,7%). Năm 2009 - do tác động của khủng hoảng toàn cầu, thương mại của Trung Quốc với hầu hết các đối tác lớn đều giảm. Thương mại của Trung Quốc với thế giới giảm 13,8%, trong đó thương

5. WTO, World trade Report 2009.

Trung Quốc trở thành ...

mại Trung Quốc - ASEAN giảm 8%, chỉ còn 212 tỷ USD. Trong điều kiện khủng hoảng toàn cầu, sự suy giảm mức tăng thương mại Trung Quốc - ASEAN không mạnh so với thương mại của Trung Quốc với một số đối tác

lớn khác như: thương mại Trung Quốc - Đài Loan (giảm 17,8%), thương mại Trung Quốc - Hàn Quốc (giảm 16,3%); thương mại Trung Quốc - EU (giảm 14,5%); thương mại Trung Quốc - Nhật Bản (giảm 14,6%).

BẢNG 4. Thương mại Trung Quốc - ASEAN thời kỳ 2000-2009 (tỷ USD)

Năm	Tổng thương mại hai chiều	ASEAN xuất khẩu sang Trung Quốc	ASEAN nhập khẩu từ Trung Quốc	Cân bằng thương mại của ASEAN
2000	32,315	14,178	18,137	- 3,959
2001	53,385	14,516	17,299	- 7,719
2002	42,759	19,547	23,212	- 3,665
2003	53,316	29,059	30,577	- 1,228
2004	89,066	41,352	47,714	- 6,389
2005	113,394	52,258	61,136	- 8,878
2006	139,961	65,010	74,951	- 9,941
2007	171,118	77,945	93,173	- 15,228
2008	192,627	85,558	107,114	- 21,556
2009	212,4	106,2	106,2	0

Nguồn: ASEAN Secretariat (2005); ASEAN Trade Statistics Database ; ASEAN Trade Statistics Database (Data as of July 2009).

Theo bảng số liệu trình bày ở bảng 4 thì ASEAN thường xuyên, liên tục thâm hụt thương mại với Trung Quốc. Từ năm 2004, khi chương trình EHP bắt đầu có hiệu lực thì thâm hụt thương mại của ASEAN với Trung Quốc bắt đầu tăng mạnh, từ mức hơn 1 tỷ USD năm 2003 lên hơn 6 tỷ USD năm 2004 và đạt hơn 21 tỷ USD năm 2008.

Trong giai đoạn 1997-2005, xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc tăng bình quân 20,2%/ năm, thấp hơn so với mức tăng nhập khẩu của ASEAN từ Trung Quốc (là 25,3% mỗi năm). Như vậy có thể thấy từ sau khi ACFTA đi vào thực tế, dường như Trung Quốc là người có lợi vì xuất khẩu được nhiều hơn sang ASEAN. Tuy nhiên trong giai đoạn 2006-2008 thì mức tăng xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc (26,5%) lại cao hơn mức tăng nhập khẩu của ASEAN từ Trung Quốc (14,3%).

Về cơ cấu thương mại, hàng xuất khẩu của Trung Quốc sang ASEAN đa dạng hơn, trong đó đáng kể là: máy móc, điện máy, tàu và thuyền, khoáng sản và nhiên liệu, dụng cụ y tế và quang học, ô tô, sắt thép, hàng dệt may, rau quả và giày dép. Một điều rất rõ ràng là

xuất khẩu hàng máy móc và điện máy từ Trung Quốc sang ASEAN tăng đáng kể, từ mức 28% tổng xuất khẩu của Trung Quốc năm 1997 đã tăng lên 45% năm 2008 (năm 2009 chiếm gần 42% với 44,5 tỷ USD trong tổng số 106,3 tỷ USD). Chủ yếu hàng nhập khẩu của Trung Quốc từ ASEAN kém đa dạng hơn, chủ yếu là nhập theo khối lượng lớn các loại: máy móc và hàng điện máy, khoáng sản và nhiên liệu, nhựa, chất béo và dầu, cao su và chất hóa hữu cơ. Trong những năm trước khủng hoảng tài chính Châu Á, 1997-1998, những hàng xuất khẩu hàng đầu của ASEAN sang Trung Quốc là: nhiên liệu và dầu, chất béo, máy móc và hàng điện máy. Từ năm 2000 trở đi, ASEAN ngày càng nhập của Trung Quốc nhiều máy móc và hàng điện máy hơn. Trong năm 2008, hơn 60% nhập khẩu của ASEAN từ Trung Quốc là máy móc và hàng điện máy, tỷ lệ này cao gấp hơn 2 lần so với mức 26% của năm 1997⁶. Trong giai đoạn 1997-2005, xuất khẩu hàng máy móc và hàng điện máy của Trung Quốc sang ASEAN tăng

6. China-ASEAN Free Trade Area (CAFTA) - Implications for Hong Kong's Merchandise Exports, 8 March 2010.

bình quân 25,3%. Tuy nhiên, sang giai đoạn 2006-2008, mức này chỉ còn 22,2%. Trong khi nhập khẩu hàng máy móc và điện máy của Trung Quốc từ ASEAN tăng 39,5% mỗi năm trong giai đoạn 1997-2005 và sang giai đoạn 2006-2008, mức này chỉ còn 9,9%. Năm 2009, Trung Quốc xuất khẩu sang ASEAN 44,5 tỷ USD máy móc và hàng điện máy, trong khi nhập khẩu từ ASEAN 56,4 tỷ USD hàng cùng loại.

2. Tác động sự phát triển thương mại quốc tế của Trung Quốc

Thứ nhất, tăng xuất khẩu của Trung Quốc sang các thị trường lớn, tạo ra tình trạng các đối tác Mỹ, Nhật, EU gia tăng thâm hụt thương mại với Trung Quốc. Thâm hụt thương mại của Mỹ, với Trung Quốc tăng từ 103 tỷ USD năm 2002 lên 120 tỷ USD năm 2003, 201 tỷ USD năm 2005 và con số lên đến 266,2 tỷ USD năm 2008. Năm 2004, EU thâm hụt thương mại với Trung Quốc hơn 37 tỷ USD, năm 2008 con số lên đến 247,6 tỷ USD. Trong khi con số này với Nhật Bản (năm 2008) là 18,6 tỷ USD. Năm 2008, trong 800 tỷ USD tổng thâm hụt thương mại của Mỹ với thế giới thì riêng thâm hụt với Trung Quốc lên tới 266,3 tỷ USD, chiếm hơn 33% - tương đương 1/3 tổng thâm hụt thương mại của Mỹ với thế giới.

Thứ hai, Trung Quốc nhập khẩu nhiều nguyên vật liệu, năng lượng tạo tình trạng khan hiếm tương đối, thúc đẩy tăng giá cả nguyên vật liệu và năng lượng trên thế giới. Trung Quốc tăng trưởng nhanh đã thúc đẩy gia tăng nhanh nhu cầu tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là dầu mỏ. Trung Quốc đã trở thành nước tiêu thụ dầu mỏ lớn thứ hai thế giới sau Mỹ, với mức tiêu thụ 7,6 triệu thùng dầu mỗi ngày trong năm 2007 (so với mức 3,9 triệu thùng mỗi ngày năm 1997). Theo dự báo con số sẽ đạt mức 13,6 triệu thùng ngày vào năm 2030. Như đã biết, trước kia Trung Quốc xuất khẩu ròng về dầu. Do tăng trưởng kinh tế nhanh, từ năm 1993, Trung Quốc trở nước nhập khẩu ròng về dầu mỏ. Lượng dầu nhập khẩu ròng tăng từ 0,632 triệu thùng ngày/1997 lên 4,1 triệu thùng ngày năm 2008, mức nhập

khẩu ròng về dầu tăng gấp 2 lần trong 5 năm (2003-2008). Năm 2008, Trung Quốc trở thành nước nhập khẩu ròng về dầu mỏ lớn thứ 3 thế giới chỉ sau Mỹ và Nhật Bản. Mức độ-phụ thuộc nhập khẩu dầu của Trung Quốc hiện là 50%, dự tính sẽ tăng lên 80% vào năm 2030⁷. Theo dự báo của ngân hàng Đức Deutsche Bank, trong 10 năm tới (đến khoảng 2020), nhập khẩu dầu khí của Trung Quốc sẽ tăng 21%, nhập khẩu đồng tăng 16%, nhập khẩu gỗ tăng 13%, nhập khẩu thịt lợn tăng 11%, trong khi nhập khẩu nguyên liệu và nhiều sản phẩm nông nghiệp khác cũng tăng rất mạnh⁸. Đương nhiên, sự tăng nhanh nhu cầu như vậy của Trung Quốc sẽ thúc đẩy tăng giá cả nhiều sản phẩm của thế giới.

Thứ ba, hàng hóa kém chất lượng, hàng giả của Trung Quốc xâm nhập thị trường thế giới, gây tâm lý lo ngại. Trong những năm 2004 - 2006 hàng Trung Quốc từng bị nhiều quốc gia kêu than về chất lượng kém. Tuy nhiên năm 2008 là một điển hình. Năm 2008, Trung Quốc được nhiều nước biết đến vì đã đưa ra thị trường (nội địa và quốc tế) sữa bần do bị nhiễm Melamine. Vụ việc dẫn đến làn sóng mạnh mẽ về thu hồi sữa Trung Quốc ở nước ngoài (Xingapo, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan...), một số nước còn tiến hành tịch thu, hoặc kêu gọi tẩy chay hàng Trung Quốc (Myanma). Sự việc đã một lần nữa cảnh báo về những yếu kém trong quản lý chất lượng thực phẩm ở Trung Quốc. Ủy ban Châu Âu (EC) cho biết Trung Quốc hiện là nguồn cung chủ yếu cho các loại hàng giả tuồn vào thị trường EU, chiếm 54% trong năm 2008. EC còn cho biết số hàng giả tuồn vào EU bị bắt giữ tăng tới 125% năm 2008. Năm 2008, Hải quan của các nước thành viên EU bắt giữ một lượng mặt hàng bị làm giả tăng hơn 2 lần so với năm 2007. Các mặt hàng bị làm giả nhiều nhất là CD và DVD, thuốc lá giả, thuốc chữa

7. International Energy Agency, 2007 World Energy Outlook, p 168.

8. China Launches First Research Center on WTO Dispute Settlement Mechanism, Xinhua, 2008-05-12, <http://sims2.mofcom.gov.cn/aarticle/photonews/200805/200805526321.html>.

bệnh giá⁹.

• *Vấn đề đặt ra: tỷ giá đồng NDT*

Sự gia tăng nhanh xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ khiến Mỹ chịu thâm hụt trong buôn bán với Trung Quốc ngày càng lớn. Mỹ cho rằng một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do chế độ quản lý tỷ giá của Trung Quốc. Từ nhiều năm nay, đồng NDT được ấn định tỷ giá cố định với đồng USD, trong khi đồng USD bị mất giá so với EUR, Yên Nhật... khiến hàng xuất khẩu của Trung Quốc rẻ hơn nhiều, dẫn đến mức thâm hụt buôn bán lớn của Mỹ. Mỹ cho rằng Trung Quốc phải chịu trách nhiệm về việc 2,7 triệu người Mỹ mất việc làm trong 3 năm (2006-2008) và cho rằng Trung Quốc cần nói lời kiểm soát tỷ giá hoặc thả nổi đồng NDT, khi làm như vậy, đồng NDT có thể tăng giá 30-40%. Theo nhà kinh tế Nicholat Lardy: "Nếu Trung Quốc định giá lại đồng NDT ở mức 20% thì sẽ làm thặng dư mậu dịch của Trung Quốc trong buôn bán với Mỹ giảm bớt khoảng 10 tỷ USD". Bộ trưởng thương mại Mỹ trong chuyến thăm Trung Quốc 28-10 - 4-11-2003 cho rằng Trung Quốc phải điều chỉnh chính sách tiền tệ, mở cửa thị trường cho sự thâm nhập của hàng hóa Mỹ.

Hiện nay (năm 2010) trong giao dịch quốc tế, hàng ngày, tỷ giá đồng NDT của Trung Quốc được phép giao động $\pm 0,5\%$ so với USD và giao động $\pm 3\%$ so với đồng Euro và đồng Yên Nhật. Tuyên bố sau cuộc gặp tại Istanbul ngày 3-10-2008, các Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc ngân hàng trung ương nhóm các nước công nghiệp phát triển G-7 khẳng định, Bắc Kinh nên nói lời chính sách kiểm soát tiền tệ chặt chẽ của nước này nhằm giúp giảm tình trạng mất cân đối trong thương mại toàn cầu, một trong những nguyên nhân chính gây ra cuộc khủng hoảng toàn cầu vừa qua. Hội đồng Công nghiệp và kinh doanh Hoa Kỳ, một tổ chức tập hợp các xí nghiệp cỡ nhỏ và cỡ vừa, ngày 23-1-2009 đã yêu cầu Quốc hội nhanh chóng thông qua một đạo luật để ngăn chặn hàng nhập khẩu Trung Quốc.

Trong ngắn hạn, những bằng chứng cho thấy xác suất để Trung Quốc chuyển hẳn

sang chế độ thả nổi tỷ giá là rất nhỏ. Tuy nhiên, do sức ép từ Mỹ và EU nên chắc chắn Trung Quốc sẽ tiếp tục từng bước định giá lại đồng NDT. Mâu thuẫn và xung đột lợi ích giữa Trung Quốc với Mỹ và EU sẽ quyết định quỹ đạo và biên độ của những thay đổi này trong thời gian tới.

• *Đánh giá của quốc tế về tự do hóa thương mại ở Trung Quốc.*

Theo quan điểm của một số nhà nghiên cứu Phương Tây¹⁰ trong thập kỷ qua Trung Quốc đã có nhiều nỗ lực trong tự do hóa thương mại, tuy nhiên, cũng có một số lĩnh vực mà việc thực thi tự do hóa được cho là chưa hoàn thiện. Báo cáo tuân thủ cam kết WTO hàng năm - trường hợp Trung Quốc lần thứ 7 của Đại diện thương mại Mỹ (USTR) (vào tháng 12-2008) đã chỉ ra một số lĩnh vực liên quan như: những khiếm khuyết của Chính phủ Trung Quốc trong duy trì hiệu quả của chế độ tăng cường quyền sở hữu trí tuệ (IPR), trong các chính sách công nghiệp và tiêu chuẩn quốc gia nhằm thúc đẩy các công ty Trung Quốc (khi áp dụng phân biệt đối xử đối với các công ty nước ngoài), những hạn chế đối với quyền tham gia thương mại và phân phối, đặc biệt đối với các sản phẩm liên quan đến IPR như phim ảnh, sách báo, âm nhạc), những quy định về nhập khẩu và phân biệt đối xử và liên quan đến an toàn vệ sinh và sức khoẻ (đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp), một số quy định và hạn chế liên quan đến dịch vụ (kể cả yêu cầu quá mức về vốn đầu tư), cũng như một số khiếm khuyết trong tạo ra tính minh bạch của các quy định và luật thương mại.

Báo cáo WTO của USTR về Trung Quốc tháng 12-2008 chỉ ra rằng, thiếu sót của Trung Quốc khi tuân thủ một số lĩnh vực chính trong cam kết với WTO đã đi ngược lại, cản trở sự chuyển đổi sang kinh tế thị trường. Một bộ phận có ý nghĩa của nền kinh tế, bao

9. Trung Quốc, cơ hội và thách thức đối với Mỹ Latinh, Tin kinh tế 10-12-2009, tr. 4.

10. Tổng cục Hải quan Trung Quốc - Li Wei, Học viện Thương mại quốc tế và hợp tác kinh tế Trung Quốc.

gồm hệ thống ngân hàng và các doanh nghiệp nhà nước - vẫn bị chính quyền trung ương - tàn dư của nền kinh tế chỉ huy kiểm soát, vốn vẫn tồn tại trước cải cách từ năm 1979. Mặc dù Trung Quốc đồng ý buộc các doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo các nguyên tắc thị trường tự do khi gia nhập WTO, nhưng các quan chức Mỹ vẫn khẳng định rằng các doanh nghiệp nhà nước vẫn được trợ cấp, đặc biệt thông qua hệ thống ngân hàng. Thêm nữa, Trung Quốc đang cố gắng đẩy mạnh phát triển một số ngành công nghiệp (như ngành thép, ô tô, viễn thông, các sản phẩm công nghệ cao...) những ngành mà Chính phủ cho là quan trọng đối với tương lai phát triển kinh tế Trung Quốc, và đã thực hiện nhiều chính sách vừa thúc đẩy phát triển vừa bảo hộ những ngành này. Khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã chấp nhận buộc các doanh nghiệp nhà nước phải vận hành theo các nguyên tắc thị trường, nhưng các công ty này đến những năm gần đây vẫn tiếp tục nhận được sự chỉ dẫn và các khoản trợ cấp.

Từ sau khủng hoảng toàn cầu, trong bối cảnh gia tăng chủ nghĩa bảo hộ, Phó Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, trong bài phát biểu tại lễ khai mạc Diễn đàn Châu Á ở Bắc Ngao ngày 10-4-2010, đã kêu gọi các nước Châu Á mở cửa hơn nữa thị trường và quyết tâm chống chủ nghĩa bảo hộ thương mại dưới mọi hình thức. Theo WTO, năm 2009 đã xảy ra tới 250 vụ kiện chống bán phá giá và 41 vụ kiện chống trợ cấp, tăng tương ứng 20% và 193% so với năm 2008. Còn theo Trung tâm Nghiên cứu chính sách kinh tế có trụ sở tại Anh, Trung Quốc là nạn nhân lớn nhất của chủ nghĩa bảo hộ thương mại. Đã có tất cả 61 đối tác thương mại thực hiện 160 các biện pháp mang tính bảo hộ chống lại Trung Quốc trong thời gian từ tháng 11-2008 đến tháng 1-2010. Mỹ đã tiến hành "vụ chống trợ giá các sản phẩm ống dẫn dầu của Trung Quốc tháng 9-2009" và "vụ lốp xe của Trung Quốc"; đến ngày 30-12-2009, Mỹ phê chuẩn việc thu thuế từ 10% đến 16% với ống thép dầu khí nhập từ Trung Quốc.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà Trung Quốc cũng hòa theo trào lưu này, ngược lại, Trung Quốc lại đẩy mạnh mua sắm hàng hóa của Mỹ và Châu Âu. Chính vì vậy, theo số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 3-2010, Trung Quốc đã chịu thâm hụt thương mại 7,24 tỷ USD, lần đầu tiên sau 6 năm liên tiếp duy trì thặng dư thương mại. Ông Long Vinh Đồ cho rằng trong thời kỳ hậu suy thoái, chủ nghĩa bảo hộ thương mại tiếp tục hủy hoại cơ sở của sự liên kết kinh tế và cung cấp những tín hiệu không chính xác, cần phải tiếp tục tự do hóa chứ không phải làm điều ngược lại. Trung Quốc đồng ý với WB khi cho rằng, các hành vi bảo hộ thương mại trong ngắn hạn có thể mang đến những thuận lợi nhất định cho những nước khỏi xướng bảo hộ, nhưng về lâu dài sẽ cản trở nền kinh tế thế giới phồn thịnh, đặc biệt sẽ ảnh hưởng rộng tới các nước có thu nhập thấp và các nước đang phát triển.

Trên thực tế, không phải Trung Quốc không tham gia thực hiện các biện pháp bảo hộ. Tháng 9-2009, Mỹ đã đánh thuế phạt đối với lốp xe Trung Quốc, khiến nước này phải thực hiện các biện pháp trả đũa. Ngày 5-2-2010, Bộ Thương mại Trung Quốc đã công bố quyết định về việc điều tra sản phẩm thịt gà lông trắng của Mỹ bán phá giá từ 43,1%-80,5%. Theo Bộ Thương mại Trung Quốc, trong thời gian điều tra đã phát hiện các sản phẩm thịt gà lông trắng từ Mỹ nhập khẩu vào Trung Quốc được bán phá giá. Các số liệu thống kê của WTO cho thấy, năm 2007 (năm đầu sau khi kết thúc thời kỳ quá độ 5 năm gia nhập WTO), tổng thương mại hàng hóa của Trung Quốc chiếm 65% GDP, và chiếm 13% tổng thương mại toàn cầu.

WTO cũng phê phán một số chính sách của Trung Quốc nhằm kiểm chế xuất khẩu các sản phẩm sử dụng tài nguyên tập trung và các sản phẩm gây ô nhiễm môi trường như: đánh thuế xuất khẩu, hạ thấp mức miễn trừ thuế xuất khẩu, cấm xuất khẩu, giấy phép và hạn ngạch xuất khẩu... Rằng các chính sách này đưa đến kết quả là hạ thấp mức giá nội

địa. Để tăng xuất khẩu, từ ngày 1-6-2009, Trung Quốc tăng mức miễn giảm thuế xuất khẩu cho hơn 2.600 mặt hàng, trong đó có hàng nông sản chế biến, máy móc, giày, mũ, đồ chơi... đây là lần tăng mức miễn giảm thứ 7 kể từ tháng 8-2008 nhằm tăng xuất khẩu, đối phó với sự suy giảm do tác động của khủng hoảng toàn cầu. Thuế đối với một số sản phẩm như: TV transmitter, máy khâu được tăng mức miễn giảm đến 17%, với thực phẩm đóng hộp, nước hoa quả, giày, mũ và đồ chơi hưởng mức miễn giảm 15%. Với sản phẩm nhựa, gốm sứ, thủy tinh, thủy sản là 13% trong khi các sản phẩm thép như: kéo hưởng mức giảm 9%, rượu 5%. Mức miễn giảm thuế bình quân của Trung Quốc vào tháng 6-2009 là 12,4%¹¹.

3. Kết luận

Theo dự báo, đến năm 2020, dân số Trung Quốc sẽ đạt khoảng hơn 1,4 tỷ người và Trung Quốc sẽ chiếm một phần đáng kể thị trường tiêu dùng toàn cầu, trở thành một cường quốc thương mại, đồng thời Trung Quốc cũng sẽ trở thành một thực thể tham gia quyết định luật chơi trên thị trường quốc tế. Đến thời điểm năm 2020, tổng giá trị thương mại hàng hóa và dịch vụ của Trung Quốc ước tính sẽ đạt 5,3 nghìn tỷ USD, gấp 2 lần con số hiện nay, trong đó thương mại hàng hóa đạt 4,3 nghìn tỷ USD, mức xuất khẩu đạt 2,4 nghìn tỷ USD và nhập khẩu đạt 1,9 ngàn tỷ USD - chiếm tương ứng hơn 10 và 8% tổng mức của thế giới - đứng thứ nhất và thứ 2 thế giới, thặng dư thương mại đạt 500 tỷ USD. Khi đó, tổng giá trị xuất nhập khẩu dịch vụ của Trung Quốc sẽ đạt 500 tỷ USD, chiếm 8% và 9% tổng mức của thế giới, xếp thứ 2 thế giới¹².

Sự phát triển mạnh mẽ thương mại quốc tế của Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI đã góp phần quan trọng tăng tiềm lực kinh tế của nước này. Trung Quốc đã và đang nỗ lực khẳng định vị trí cường quốc của mình, và do vậy, mở rộng thương mại quốc tế tiếp tục là xu hướng trong nhiều năm tới. Tuy nhiên mức độ mở rộng thương mại quốc tế sẽ mạnh hay yếu còn tùy thuộc vào những diễn biến trong quá trình phát triển của bản thân nền kinh tế Trung Quốc, vào chiều hướng tiến

triển các quan hệ kinh tế chính trị quốc tế, cũng như phản ứng của quốc tế - mà chủ yếu là của các nước lớn đối với sự trỗi dậy mạnh mẽ về kinh tế - chính trị và thương mại của Trung Quốc.

Thương mại quốc tế của Trung Quốc với các nước láng giềng trong đó có Việt Nam sẽ tiếp tục gia tăng nhanh. Để giảm thâm hụt thương mại của ta với Trung Quốc, về ngắn hạn chúng ta cần cố gắng đưa hàng Việt Nam vào sâu trong nội địa Trung Quốc. Để tăng xuất khẩu vào Trung Quốc, ta cần thực hiện các nỗ lực xây dựng các kho bảo quản, các trạm trung chuyển ở các tỉnh biên giới để có thể đưa hàng Việt Nam xâm nhập sâu hơn vào các tỉnh trong nội địa Trung Quốc. Về dài hạn, cần tăng đầu tư bên trong và thu hút đầu tư từ bên ngoài, kể cả đầu tư từ Trung Quốc để sản xuất nhiều sản phẩm sử dụng ưu thế địa phương về tài nguyên, về lao động, về khí hậu... có chất lượng cao, xuất khẩu sang Trung Quốc, từng bước thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu sang Trung Quốc. Đặc biệt, cần sử dụng thị trường Trung Quốc để đưa Việt Nam tham gia ngày càng mạnh vào mạng sản xuất khu vực và toàn cầu. Đối với ACFTA, Việt Nam cần đúc rút kinh nghiệm của các nước ASEAN 6, thận trọng đánh giá những tác động, kết hợp phân tích, đánh giá diễn biến thương mại Việt - Trung đặc biệt kể từ đầu năm 2010 - khi ACFTA bắt đầu có hiệu lực - chủ động đề xuất các biện pháp đối phó, điều chỉnh. Trong hợp tác quốc tế, cơ hội và thách thức luôn đan xen với nhau, nếu không tổng kết, đánh giá, chấn chỉnh kịp thời, cơ hội có thể trôi đi mất, vấn đề xuất hiện, thách thức không được giải quyết ngày một dày lên, nhiều lên. Kết cục tất yếu là hiệu quả đem lại ngày một thấp./.

11. WTO, World trade Report 2009.

12. China plans to become a trading power by 2030
<http://english.peopledaily.com.cn/90001/90778/90861/6956024.html> 16:28, April 19, 2010.